

Số ~~228~~ /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày ~~15~~ tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Vôi huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình 1216/TTr- UBND ngày 13 tháng 11 năm 2009, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 823/BC - SXD ngày 20 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vôi huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với nội dung sau:

1) Tên Đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vôi huyện Lạng Giang - tỉnh Bắc Giang giai đoạn năm 2009 - 2015.

2) Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

a) Ranh giới nghiên cứu: Diện tích nghiên cứu nằm trong ranh giới hành chính thị trấn vôi hiện tại:

- Phía Bắc: Giáp xã Yên Mỹ.

- Phía Nam: Giáp xã Phi Mô.

- Phía Đông: Giáp xã Xương Lâm.

- Phía Tây: Giáp xã Tân Thanh.

b) Diện tích khu đất nghiên cứu: 344,5ha.

3) Tính chất, chức năng của đô thị: Là trung tâm hành chính, kinh tế văn hoá của huyện Lạng Giang.

4) Quy mô dân số, đất đai đô thị:

a) Quy mô dân số:

- Tổng dân số thị trấn năm 2008: 8051 người;

- Tổng dân số thị trấn đến năm 2015: 11.000 người.

b) Đất đai đô thị:

TT	Hạng mục	Diện tích (ha)
	Tổng diện tích đất khu vực thiết kế	344,51
A	Diện tích đất xây dựng đô thị	302,18
1	Đất đơn vị ở	139,62
2	Đất công trình công cộng	21,67
3	Đất cây xanh thể dục thể thao	27,35
4	Đất trường học	3,42
5	Đất cơ quan	7,00
6	Đất giao thông	53,80
7	Đất công nghiệp –tiểu thủ công nghiệp	5,90
8	Đất cây xanh cách ly + cây xanh cảnh quan	3,08
9	Đất an ninh quốc phòng	21,60
10	Đất di tích	0,35
11	Đất hạ tầng kỹ thuật	14,39
12	Đất nghĩa trang	4,00
B	Đất khác	42,33
1	Đất nông nghiệp	34,14
2	Đất khác (sông hồ, nuôi trồng thủy sản...)	8,19

5) Các chỉ tiêu kinh tế- kỹ thuật chủ yếu:

a) Đất xây dựng đô thị: 80 – 120m²/người.

- Đất ở: 40-50m²/người;

- Đất công trình công cộng: 4- 6m²/người;

- Đất cây xanh: 7- 9m²/người;

- Đất giao thông: 16-22m²/người.

b) Hạ tầng kỹ thuật:

- Cấp điện: 330W/người

- Cấp nước: 80 -100 (lít/người - ngđ)

- Thoát nước bản: tối thiểu 80% tiêu chuẩn cấp nước;

- Chất thải rắn: 0,9 Kg/người/ngày;

6) Cơ cấu tổ chức không gian:

- Thị trấn phát triển chủ yếu vào vùng đất nông nghiệp phía Nam, phía Tây và một phần về phía Bắc.

- Về phía Đông: Xây dựng tuyến đường bao chạy sát ranh giới hành chính thị trấn, tuyến đường này được đầu nối vào tuyến QL1A và ĐT 295 và đường phía Nam Quân đoàn 2.

- Về phía Tây: Xây dựng hoàn thiện tuyến đường gom chạy song song với tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn; Xây dựng tuyến đường bao phía Tây nối từ đường tỉnh 295 đến QL1A; mở mới các tuyến đường theo dạng ô bàn cờ để tạo quỹ đất xây dựng các khu chức năng cho đô thị.

- Xây dựng 3 khu đô thị mới:

+ Khu đô thị mới phía Đông Nam: Gồm các loại hình nhà ở phục vụ cho nhiều đối tượng, nhà chia lô, nhà biệt thự, nhà chung cư và nhà ở dịch vụ.

+ Khu đô thị mới phía Tây: Gồm nhà ở chia lô, nhà biệt thự, nhà chung cư, nhà ở dịch vụ, nhà ở xã hội.

+ Khu đô thị mới phía Đông Bắc: Gồm nhà ở chia lô, nhà biệt thự, nhà ở dịch vụ.

7) Cơ cấu sử dụng đất theo các khu chức năng:

- Khu trung tâm hành chính đô thị, thương mại dịch vụ, y tế, văn hoá, thể thao...

- Công trình văn hoá đa năng (hội nghị, chiếu phim, câu lạc bộ thanh thiếu niên, phòng truyền thống, lưu niệm, thư viện...), trường học các cấp.

- Các khu dân cư xây dựng mới (gồm khu ở mới, khu tái định cư, nhà ở dịch vụ, nhà ở xã hội), khu dân cư hiện trạng cải tạo, Cụm công nghiệp thị trấn.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình đầu mối

8) Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông: Quy hoạch các tuyến giao thông chính như sau:

- Đường chính đô thị, mặt cắt ngang (2-2): 42,5m (trong đó: lòng đường là $2 \times 9m + 10,5m$, vỉa hè + phân cách là 14m);

- Đường chính khu vực, mặt cắt ngang (3-3): 32,5m (trong đó: lòng đường là 10m, vỉa hè là 10m, dải phân cách là 11,5m);

- Đường liên khu vực, mặt cắt ngang (4-4): 20,5m (trong đó: lòng đường là 10,5m, vỉa hè là 10m);

- Đường phân khu vực, mặt cắt ngang (5-5): 15m (trong đó lòng đường là 7m, vỉa hè là 8m).

b) San nền:

- Giữ nguyên cao độ nền đường hiện trạng và cao độ nền xây dựng của các công trình thôn xóm hiện có;

- Khu vực xây mới có cao độ san nền trung bình là + 8,50m.

c) Thoát nước: Hệ thống thoát nước được thiết kế thoát nước nửa riêng;

- Hệ thống thoát nước mưa: Toàn khu vực lập quy hoạch được chia thành hai lưu vực thoát nước chính (lưu vực A và lưu vực B) được sử dụng cống bê tông tròn, cống hộp và mương hở.

+ Lưu vực A: Thoát về Phía Tây Quốc lộ 1 A: gồm 2 tiểu lưu vực

*Lưu vực A1: Phía Tây Bắc khu vực thiết kế, thoát vào suối Cầu Ván thông qua cống qua đường phía Bắc (cắt QL1A).

*Lưu vực A2: Thuộc phía Tây Nam thị trấn, thoát vào ngòi Cút Nông phía Nam - thuộc xã Phi Mô.

+ Lưu vực B: Thoát về phía Đông Quốc lộ 1A: gồm 2 tiểu lưu vực

*Lưu vực B1: Phía Đông Bắc khu vực thoát vào suối Cầu Ván

*Lưu vực B2: Phía Đông Nam khu vực, một phần thông qua hồ điều tiết thoát vào suối Cầu Ván, phần còn lại thoát trực tiếp vào suối Cầu Ván.

- Hệ thống thoát nước thải:

+ Giải pháp thoát nước thải cho thị trấn Vôi là sử dụng hệ thống cống nửa riêng. Khu công nghiệp xây dựng hệ thống thoát nước riêng.

+ Nước thải sau khi được xử lý bằng bể tự hoại trong các công trình xả ra hệ thống cống chung. Tại phía trước các điểm xả xây dựng giếng tách nước bản bằng hệ thống cống bao thu nước thải về các trạm xử lý tập trung. Sơ đồ hệ thống thoát nước như sau: bể tự hoại → cống thoát nước → cống bao thu nước thải → trạm bơm → trạm xử lý nước thải → xả ra môi trường.

d) Cấp nước: Nguồn nước được lấy từ nguồn nước ngầm cấp cho khu vực thiết kế, đường ống cấp nước cho khu vực thiết kế có đường kính từ D50 đến D200 được thiết kế chôn dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống từ 0,5 đến 1,2m.

e) Cấp điện:

- Nguồn điện cung cấp cho Thị trấn Vôi được lấy từ trạm 110KV Đồi Cốc;

- Trạm Biến áp: Cải tạo và xây mới trạm 35 (22)/0,4KV, vị trí các trạm được đặt cạnh đường giao thông để thuận tiện cho xây dựng và quản lý vận hành;

- Lưới điện 35KV trong khu vực nghiên cứu được thiết kế đi dây nổi;

- Lưới điện hạ thế: Sử dụng dây nhôm cách điện PVC đi nổi xuất phát từ các lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các tủ điện tổng để phân phối điện cho khu nhà.

f) Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Đường cấp nước, cấp điện, thoát nước thải, thoát nước mưa đều được bố trí trên phần đất vỉa hè đường quy hoạch.

9) Các nội dung khác: Theo Báo cáo thẩm định số 823/BC - SXD ngày 20 tháng 11 năm 2009 và hồ sơ bản vẽ theo thẩm định của Sở Xây dựng.

Điều 2. UBND huyện Lạng Giang có trách nhiệm công bố, quản lý quy hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Sở Công thương, Điện Lực Bắc Giang, Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang và đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh;
- KTN (4CV) TH, TKCT, PVPKTN, CVP;
- Lưu: VT, XD.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

